

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2021

V/v: “**Ly hôn**, tranh chấp về nuôi con
của nam nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Luyến; Ông Hoàng Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên
tòa:** Ông Lương Văn Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc: “ **Ly hôn**, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị A; sinh năm 1996; (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Vàng A Ch; sinh năm 1999; (Có mặt)

Đều trú tại: Bản S, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Sùng Thị A trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2012 tại Bản S, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng được hai bên gia đình tổ chức ăn hỏi và lễ cưới theo phong tục của địa phương.

Trong quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm. Đến khoảng cuối năm 2014 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị Sùng Thị A cho rằng do anh Ch thường

xuyên bỏ nhà đi, biệt tăm, biệt tích, hàng tháng, có thời điểm đi 3 tháng không về nhà, đặc biệt là trong thời gian về ở nhà, thường xuyên đi thâu đêm suốt sáng không rõ lý do, ngày thì đi uống rượu, đêm thì đánh **bi a**, đánh bài, anh Ch không chung thủy với chị Sùng Thị A, đi làm không tháng nào mang tiền về, chị A hỏi thì bị anh Ch đánh đập, **thời gian gần đây nhất chị A thường xuyên bị anh Ch chửi mắng và đánh đập, công việc gia đình anh Ch không quan tâm không làm giúp chị A việc nhà mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và không thể kéo dài thêm được nữa**, để chấm dứt mọi quan hệ với anh Ch chị Sùng Thị A yêu cầu Tòa án giải không công nhận chị và anh Ch là vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về con chung, chị Sùng Thị A và anh Ch có hai con chung là Sùng Lan Th, sinh ngày 24/12/2014 và Sùng Quốc T, sinh ngày 18/9/2017 chị Sùng Thị A có nguyện vọng nuôi một con chung là Sùng Lan Th, sinh ngày 24/12/2014 và không đề nghị anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung. Còn con chung là Sùng Quốc T, sinh ngày 18/9/2017 chị A có nguyện vọng giao cho anh Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay con chung là Sùng Lan Th đang ở cùng với chị A còn cháu Sùng Quốc T đang ở với anh Ch.

Về tài sản chung và nợ chung, cho vay chung: Chị Sùng Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Vàng A Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ch công nhận về thời gian sống chung và không đăng ký kết hôn như chị Sùng Thị A trình bày là đúng. Anh Ch cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị Sùng Thị A tự ý bỏ nhà đi về nhà bố mẹ đẻ của chị A ở không hỏi ý kiến của anh Ch, anh Ch hay đi làm ăn xa nhà thì thoảng một tháng về một lần chị A nghi ngờ anh Ch có quan hệ bất chính bên ngoài, từ đó anh chị không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, xô xát luôn bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn của anh chị ngày càng trở nên trầm trọng, khiến cuộc sống không có hạnh phúc và không thể kéo dài thêm được nữa anh Ch nhất trí với nội dung đơn khởi kiện của chị A.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng chị Sùng Thị A và anh Ch có hai con chung chưa thành niên là Sùng Lan Th, sinh ngày 24/12/2014 và Sùng Quốc T, sinh ngày 18/9/2017. Anh Ch nhất trí để chị Sùng Thị A nuôi cháu Sùng Lan Th còn anh Ch có nguyện Vọng nuôi cháu Sùng Quốc T.

Về tài sản chung và nợ chung, cho vay chung: Anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi nhận thông báo thụ lý vụ án anh Ch không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng của Tòa án và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải những nội dung được hòa giải cho đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại UBND xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Kết quả xác minh: anh Ch và chị Sùng Thị A sống chung với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Tòa án lập biên bản hòa giải về con chung, chị Sùng Thị A và anh Ch đã thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau: Giao cho chị Sùng Thị A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Sùng Lan Th, sinh ngày 24/12/2014 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Vàng A Ch là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Sùng Quốc T, sinh ngày 18/9/2017 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên quyết định đưa vụ án ra xét xử: Tại phiên tòa, chị Sùng Thị A giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về con chung theo biên bản hòa giải ngày 10/12/2020; về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 11; Điều 87 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 – Luật hôn nhân và gia đình 2014. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC-VKSNDTC-BTP; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Không công nhận chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch là vợ chồng; Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Sùng Thị A và anh Ch: Giao cho chị Sùng Thị A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là cháu Sùng Lan Th, sinh ngày 24/12/2014 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Vàng A Ch là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là cháu Sùng Quốc T, sinh ngày 18/9/2017 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung và nợ chung, cho vay chung: do các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn là anh Vàng A Ch có hộ khẩu thường trú tại Bản S, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Do chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn, đến ngày 11 tháng 11 năm 2020 chị A có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 là pháp luật nội dung để giải quyết vụ án.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại UBND xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị A có yêu cầu ly hôn, xét thấy chị A và anh Ch không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 87 và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 14; Điều 53 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b,c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 để tuyên bố không công nhận chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch là vợ chồng.

[4]. Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng chị Sùng Thị A và anh Ch có hai con chung chưa thành niên là cháu Sùng Lan Th, sinh ngày 24/12/2014 và cháu Sùng Quốc T, sinh ngày 18/9/2017. Chị Sùng Thị A và anh Ch thỏa thuận: chị A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Sùng Lan Th, sinh ngày 24/12/2014 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Ch là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Sùng Quốc T, sinh ngày 18/9/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

Anh Ch và chị A không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện phù hợp nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận

[5]. Về tài sản chung và công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Sùng Thị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; các Điều 143, 147, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 11- Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch là vợ chồng.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa Chị Sùng Thị A và anh Ch: Giao cho chị Sùng Thị A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Sùng Lan Th, sinh ngày 24/12/2014 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Vàng A Ch là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Sùng Quốc T, sinh ngày 18/9/2017 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A và anh Ch không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Sùng Thị A và anh Vàng A Ch tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Sùng Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định .

Xác nhận chị Sùng Thị A đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu

tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0000231 ngày 16/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Than Uyên
- THA dân sự huyện Than Uyên
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Hằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Sơn

Hoàng Thị Luyện

Lương Thị Mỹ Hằng